

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 7 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Trịnh Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Y (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 195/5, ấp TT, xã TP, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 166, ấp TTT, xã TPT, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Y trình bày:

Bà và ông Huỳnh Hữu T quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu T tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện T tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2016. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bất đồng quan điểm, trong công việc và trong cuộc sống. Từ đó không tìm được Tg nói chung, khiến hôn nhân đã rơi vào tình

trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông T đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên bà làm đơn này yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Khải Nam (nam), sinh ngày 25/10/2016. Khi vợ chồng ly thân, cháu Nam đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nam đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Huỳnh Hữu T trình bày tại Bản tự khai ngày 15/7/2022, ông và bà Y tự nguyện T tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh vào năm 2016, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay bà Y yêu cầu ly hôn với ông, ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Khải Nam (nam), sinh ngày 25/10/2016. Khi vợ chồng ly thân thì cháu Nam đang sống chung với bà Y. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà Y được nuôi dưỡng cháu Nam đến khi đủ trưởng thành và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Y được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T; Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Khải Nam (nam), sinh ngày 25/10/2016 cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y chưa có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Ngọc Y và ông Huỳnh Hữu T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là

ly hôn, nuôi con chung, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Nguyễn Ngọc Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Y, ông T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Y, ông T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp do có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà Y, ông T phát sinh mâu thuẫn. Bà Y cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên bà và ông T đã chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, bà Y xác định không còn tình cảm với ông T nên cương quyết ly hôn. Đối với ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng vẫn vắng mặt. Ông T đồng ý ly hôn với bà Y. Nhận thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Y và ông T có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Khải Nam (nam), sinh ngày 25/10/2016. Cháu Nam hiện nay đang sống chung với bà Y, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu Nam do bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, ông T cũng đồng ý giao cháu Nam cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Nam nên giao cháu Nam cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Y chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà Y cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc Y được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Khải N (nam), sinh ngày 25/10/2016 cho bà Nguyễn Ngọc Y nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông Huỳnh Hữu T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y chưa có yêu cầu. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Y phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) Y tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai số 0011774 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành Y án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà Y đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã TPT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên